|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần:** | **29** |  | **Ngày soạn:** | **07 – 04 – 2024** |
| **Tiết:** | **57** |  |  |

# 

# BÀI 49: MẮT CẬN VÀ MẮT LÃO

**I. Mục tiêu**  
**1. Kiến thức:**

- Nêu đ­ược đặc điểm chính của mắt cận là không nhìn đ­ược các vật ở xa mắt và cách khắc phục tật cận thị là phải đeo kính phận kì.

- Nêu đ­ược đặc điểm chính của mắt lão là không nhìn đ­ược các vật ở gần mắt và cách khắc phục tật mắt lão là phải đeo kính hội tụ.

- Giải thích được cách khắc phục tật cận thị và tật mắt lão.

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm hiểu thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, để tìm hiểu vấn đề về tật cận thị và mắt lão.

- Năng lực giáo tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để giải quyết vấn đề về tìm hiểu biểu hiện và cách khắc phục mắt cận thị và mắt lão.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

***- Năng lực nhận thức:*** Nhận biết được những biểu hiện và đặc điểm của tật cận thị và tật mắt lão. Giải thích được tác dụng của kính cận và kính lão.

***- Năng lực tìm hiểu:*** Dựa trên đặc điểm của mắt cận, mắt lão và đặc điểm của TKHT và TKPK đưa ra được cách khắc phục phù hợp.

***- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:***Vận dụng được những biểu hiện và đặc điểm của mắt cận, mắt lão để biết được nguyên nhân và có biện pháp bảo vệ mắt.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ đọc tài liệu, chuẩn bị những nội dung của bài học.

- Nhân ái, trách nhiệm: Hợp tác giữa các thành viên trong nhóm.

- Có ý thức giữ gìn bảo vệ mắt và tuyên truyền mọi người để tránh bị tật cận thị.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Hình vẽ phóng to hình 49.1, 49.2

- Phiếu học tập cho các nhóm: Phụ lục

**2. Học sinh:**

- Mỗi nhóm 1 kính cận, 1 kính lão.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| *\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập*  -> Xuất phát từ tình huống có vấn đề:  *- Giáo viên yêu cầu:*  + Hãy so sánh ảnh ảo tạo bởi TKPK và ảnh ảo tạo bởi TKHT?  + Thế nào là điểm Cc, Cv, GHNR của mắt  + Đọc nội dung phần mở đầu bài học trong SGK/131.  *- Học sinh tiếp nhận:*  \*Thực hiện nhiệm vụ học tập  *- Học sinh:* làm việc cá nhân để trả lời yêu cầu của GV.  *- Giáo viên:* theo dõi câu trả lời của HS để giúp đỡ khi cần.  *- Dự kiến sản phẩm:* HS lên bảng trả lời  \*Báo cáo kết quả và thảo luận  HS trình bày trước lớp  \*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá:*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá:*  *->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học* ***Dựa vào phần mở bài trong SGK.*** Để trả lời câu hỏi trên đầy đủ và chính xác nhất chúng ta vào bài học hôm nay.  *->Giáo viên nêu mục tiêu bài học:* | **- TKHT: cho** ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật và nằm xa thấu kính hơn vật.  **- TKPK: cho** ảnh ảo, cùng chiều, nhỏ hơn vật và nằm gần thấu kính hơn vật.  - Điểm Cc: là điểm gần nhất mà mắt còn nhìn rõ vật  Điểm Cv: Là điểm xa nhất mà mắt còn nhìn rõ vật khi không điều tiết.  GHNR của mắt: là khoảng cách từ điểm Cc đến điểm Cv. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2.1: *Tìm hiểu biểu hiện của mắt cận và cách khắc phục. (15 phút)*** | |
| \*Chuyển giao nhiệm vụ học tập  *- Giáo viên yêu cầu:*Yêu cầu HS đọc và quan sát hình 49.1/SGK tìm hiểu:  + Những biểu hiện của tật cận thị là gì?  + Cách khắc phục như nào?  \*Thực hiện nhiệm vụ học tập  *- Học sinh:*  + Thảo luận nhóm Tìm hiểu theo yêu cầu của GV. Trả lời C1-4.  *- Giáo viên:* Yêu cầu HS vẽ ảnh của vật AB theo yêu cầu câu C4.  - GV: Gọi 1 HS lên bảng vẽ.  - GV nhấn mạnh: Kính cận thích hợp là tiêu điểm của kính trùng với điểm cực viễn. (F CV)  - GV: + ảnh của vật qua kính nằm trong khoảng nào? (nằm trong khoảng từ cực cận đến cực viễn gần mắt)  + Mắt có nhìn rõ ảnh A'B' của AB không? Vì sao? Mắt nhìn ảnh này lớn hơn hay nhỏ hơn vật?  - GV: Yêu cầu HS rút ra kết luận qua câu trả lời C3, C4.  *- Dự kiến sản phẩm:*  \*Báo cáo kết quả và thảo luận  - Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả hoạt động. Trả lời câu C3, 4 và hoàn thành kết luận  \*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.*  Mắt cận không nhìn rõ những vật ở xa mắt, điểm cực viễn (CV) của mắt cận ở gần mắt hơn mắt bình thường.  Khắc phục: Phải đeo kính cận là 1 TKPK có tiêu cự thích hợp trùng lên điểm cực viễn của mắt.  ***GDBVMT:***  ***+Nguyên nhân gây cận thị là do ô nhiễm môi trường không khí,sử dụng ánh sáng không hợp lý,thói quen làm việc không khoa học****.*  ***+Người bị cận thị,do mắt liên tục bị điều tiết nên thường bị căng nhãn áp,chóng mặt, đau đầu ảnh hưởng đến lao động trí óc và tham gia giao thông****.*  ***Biện pháp bảo vệ mắt:***  ***+Để giảm nguy cơ mắc các bệnh về mắt,mọi người hãy cùng nhau giữ gìn môi trường trong lành,không có ô nhiễm và có thói quen làm việc khoa học****.*  ***+Người bị cận thị không nên điều khiển các phương tiện giao thông vào buổi tối,khi trời mưa với vận tốc cao.***  ***+Cần có biện pháp bảo vệ và luyện tập cho mắt tránh nguy cơ tật nặng hơn.Thông thường người bị cận thị khi 25 tuổi thì thủy tinh ổn định (Tật không nặng thêm)*** | **I. Mắt cận:**  **1. *Những biểu hiện của tật cận thị.***  **C1:**  **+** Khi đọc sách, phải đặt sách gần hơn bình thường.  **+** Ngồi dưới lớp, nhìn chữ viết trên bảng thấy mờ.  **+** Ngồi trong lớp, không nhìn rõ những vật ngoài sân.  **C2:** Mắt cận không nhìn rõ những vật ở xa mắt, điểm cực viễn (CV) của mắt cận ở gần hơn mắt bình thường.  **2. *Cách khắc phục tật cận thị***  **C3:** Ta có thể xem kính đó có cho ảnh ảo nhỏ hơn vật hay không hoặc sờ tay xem phần giữa có mỏng hơn phần rìa hay không.  **C4:**  **A**  **B**  **A**  B  **F C**V  **A'**  **B'**  - Khi không đeo kính mắt cận không nhìn rõ vật AB vì vật này nằm xa mắt hơn điểm cực viễn (Cv) của mắt.  - Khi đeo kính muốn nhìn rõ ảnh A’B’ của AB thì A’B’ phải hiện lên trong khoảng từ cực cận tới điểm cực viễn của mắt tức là phải nằm gần mắt hơn so với điểm cực viễn (Cv)  ***\* Kết luận: SGK /131*** |
| **Hoạt động 2.2: *Tìm hiểu biểu hiện của mắt lão và cách khắc phục. (15 phút)*** | |
| \*Chuyển giao nhiệm vụ học tập  *- Giáo viên yêu cầu:*  *+ Nghiên cứu tài liệu tìm hiểu các biểu hiện của mắt lão và cách khắc phục.*  *+ Yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi*  *- Học sinh tiếp nhận:*  \*Thực hiện nhiệm vụ học tập  *+ HS đọc, thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu của GV.*  *- Giáo viên:*  *? Mắt lão thường gặp ở người có tuổi ntn?*  *Cực cận (CC) so với mắt bình thường ntn?*  *Kính lão là kính loại gì?*  *Gọi 1 HS lên bảng vẽ hình.*  *? Khi mắt lão không đeo kính, điểm cực cận ở quá xa mắt. Mắt có nhìn rõ AB không? Tại sao?*  *? Khi đeo kính, muốn nhìn rõ AB thì ảnh A'B' phải hiện lên trong khoảng nào? Yêu cầu có thực hiện được không với kính não nói trên?*  \*Báo cáo kết quả và thảo luận  - Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả hoạt động. Trả lời câu hỏi và hoàn thành kết luận  \*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.*  ***Người già do thủy tinh thể bị lão hóa nên khả năng điều tiết bị suy giảm nhiều.***  ***Do đó người già không nhìn được những vật ở gần.Khi nhìn những vật ở gần mắt phải điều tiết nhiều nên chóng mỏi****.*  ***Biện pháp bảo vệ mắt:***  ***Người đó cần thử kính để biết được số của kính cần đeo.Thường đeo kính để đọc sách cách mắt 25cm như người bình thường.*** | **II. Mắt lão.**  **1. *Những đặc điểm của mắt lão***  - Mắt lão thường gặp ở người già.  - Sự điều tiết mắt kém lên chỉ nhìn thấy vật ở xa mà không thấy vật ở gần.  - CC  xa hơn CC của người bình thường.  **2. *Cách khắc phục tật mắt lão.***  **C5:** Muốn thử xem kính lão có phải là TKHT hay không ta có thể xem kính đó có khả năng cho ảnh ảo lớn hơn vật hoặc cho ảnh thật hay không.  Hoặc bằng hình học thấy phần giữa dày hơn phần rìa.  **C6:**  A  B  A'  B'  Ě  F  CC  - Khi không đeo kính, mắt lão không nhìn rõ vật AB vì vật này nằm gần mắt hơn điểm CC của mắt.  - Khi đeo kính thì ảnh A’B’ của vật AB phải hiện lên xa mắt hơn điểm CC của mắt mới nhìn rõ ảnh này. Với kính lão trong bài thì yêu cầu này hoàn toàn được thoả mãn. |

**3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm trả lời vào phiếu học tập cho các nhóm  Thảo luận nhóm. Trả lời BT trắc nghiệm  ***\****Báo cáo kết quả và thảo luận  - Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả hoạt động. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm trong phiếu học tập.  ***\**** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá chung các nhóm.  Gv tóm tắt nội dung bài học bằng SĐTD | **Phụ lục (BT trắc nghiệm)**  **Câu 1:**  **Câu 2:**  **Câu 3:**  **Câu 4:**  **Câu 5:**  **Câu 6:**  **Câu 7:**  **Câu 8:**  **Câu 9:**  **Câu 10:** |

**4. Hoạt động vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| *- Giáo viên yêu cầu nêu:*  + Nêu biểu hiện của mắt cận, mắt lão và nêu cách khắc phục tật cận thị, tật mắt lão?  + Trả lời nội dung C7, C8.  *- Học sinh tiếp nhận:* Nghiên cứu nội dung bài học để trả lời.  ***\****Thực hiện nhiệm vụ:  *- Học sinh:* Thảo luận cặp đôiNghiên cứu C7, C8/SGK và ND bài học để trả lời.  *- Giáo viên:* Điều khiển lớp thảo luận theo cặp đôi.  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá.*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng:* | **IV. Vận dụng**  ***\*Ghi nhớ/SGK.***  ***GV thông báo thêm cho HS*** ngoài 2 tật mắt nói trên còn có tật viễn thị, tật loạn thị.  *Nguyên nhân dân gây cận thị là do:* ô nhiễm không khí, sử dụng ánh sáng không hợp lý, thói quen làm việc không khoa học..  Để giảm nguy cơ mắc các tật của mắt, chúng ta cùng giữa gìn môi trường trong lành, không có ô nhiễm và có thói quen làm việc khoa học. |

**PHỤ LỤC: (BT TRẮC NGHIỆM)**

**Em hãy chọn đáp án mà em cho là đúng nhất trong các câu sau**

**Câu 1:** Biểu hiện của mắt cận là:

**A.** chỉ nhìn rõ các vật ở gần mắt, không nhìn rõ các vật ở xa mắt.

**B.** chỉ nhìn rõ các vật ở xa mắt, không nhìn rõ các vật ở gần mắt.

**C.** nhìn rõ các vật trong khoảng từ điểm cực cận đến điểm cực viễn.

**D.** không nhìn rõ các vật ở gần mắt.

**Câu 2:** Biểu hiện của mắt lão là:

**A.** chỉ nhìn rõ các vật ở gần mắt, không nhìn rõ các vật ở xa mắt.

**B.** chỉ nhìn rõ các vật ở xa mắt, không nhìn rõ các vật ở gần mắt.

**C.** nhìn rõ các vật trong khoảng từ điểm cực cận đến điểm cực viễn.

**D.** không nhìn rõ các vật ở xa mắt.

**Câu 3:** Kính cận thích hợp là kính phân kì có tiêu điểm F

**A.** trùng với điểm cực cận của mắt. **C.** nằm giữa điểm cực cận và điểm cực viễn của mắt.

**B.** trùng với điểm cực viễn của mắt. **D.** nằm giữa điểm cực cận và thể thủy tinh của mắt.

**Câu 4:** Để khắc phục tật mắt lão, ta cần đeo loại kính có tính chất như

**A.** kính phân kì **B.** kính hội tụ **C.** kính mát **D.** kính râm

**Câu 5:** Mắt cận có điểm cực viễn

**A.** ở rất xa mắt. **B.** xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.

**C.** gần mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường. **D.** xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt lão.

**Câu 6:** Tác dụng của kính cận là để

**A.** tạo ảnh ảo nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.

**B.** tạo ảnh ảo nằm trong khoảng cực viễn của mắt.

**C.** tạo ảnh thật nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.

**D.** tạo ảnh thật nằm trong khoảng cực viễn của mắt.

**Câu 7:** Chọn câu trả lời **sai:** Một người cận thị có điểm cực cận cách mắt 15 cm và phải đeo kính có tiêu cự 50 cm. Khi không đeo kính, người đó nhìn rõ vật:

**A.** gần nhất cách mắt 15 cm. **B.** xa nhất cách mắt 50 cm.

**C.** cách mắt trong khoảng từ 15 đến 50 cm. **D.** gần nhất cách mắt 50 cm.

**Câu 8:** Một người cận phải đeo kính có tiêu cự 25cm. Hỏi khi không đeo kính thì người đó nhìn rõ được vật cách xa mắt nhất là bao nhiêu?

**A.** 25cm **B.** 15cm **C.** 75cm **D.** 50cm

**Câu 9:** Điểm cực viễn của mắt lão thì:

**A.** Gần hơn điểm cực viễn của mắt thường. **B.** Bằng điểm cực viễn của mắt cận.

**C.** Xa hơn điểm cực viễn của mắt thường. **D.** Bằng điểm cực viễn của mắt thường.

**Câu 10:** Mắt của một người chỉ nhìn rõ được các vật cách mắt từ 10cm đến 100cm. Mắt này có tật gì và phải đeo kính nào ?

**A.** Mắt cận, đeo kính hội tụ. **B.** Mắt lão, đeo kính phân kì.

**C.** Mắt lão, đeo kính hội tụ. **D.** Mắt cận, đeo kính phân kì.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần:** | **29** |  | **Ngày soạn:** | **08 – 04 – 2024** |
| **Tiết:** | **58** |  |  |

# BÀI 50: KÍNH LÚP

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được kính lúp dùng để làm gì.

- Nêu được đặc điểm của kính lúp.

- Nêu được ý nghĩa của số bội giác của kính lúp.

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung:**

***- Năng lực tự chủ và tự học:*** *Tìm hiểu thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, đoạn phim video để tìm hiểu vấn đề về kính lúp.*

***- Năng lực giao tiếp và hợp tác****: Thảo luận nhóm để thiết kế thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, hợp tác giải quyết vấn đề về số bội giác của kính lúp.*

**2.2. Năng lực đặc thù:**

***- Năng lực nhận biết KHTN:***Nhận biết và phân biệt được kính lúp là thấu kính gì?

Giải thích được cách tạo ảnh của kính lúp.

***- Năng lực tìm hiểu tự nhiên:***Dựa vào quan sát thí nghiệm chỉ ra được kính lúp là TKHT, và xác lập được mối quan hệ giữa ảnh của kính với số bội giác của kính.

***- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:***Biết sử dụng kính lúp để nhìn các vật có kích thước nhỏ.

Tìm tòi ứng dụng kĩ thuật để hiểu biết kĩ thuật trong đời sống qua bài kính lúp.

**3. Phẩm chất:** tự lập, tự tin, tự chủ, trung thực, cẩn thận

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:**Mỗi nhóm :2 kính lúp có đội bội giác khác nhau.

Hai thước đo có GHĐ: 30cm; ĐCNN: 1mm.

**2. Học sinh:** 3 vật nhỏ để quan sát: Con tem; chiếc lá cây, xác kiến.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| \*Chuyển giao nhiệm vụ học tập:  Giáo viên yêu cầu: Vẽ ảnh của vật tạo bởi TKHT trường hợp d < f. Nêu tính chất ảnh?  ***\****Thực hiện nhiệm vụ học tập  *-* Học sinh: Vẽ ảnh và trả lời theo yêu cầu.  - Giáo viên: Theo dõi và bổ sung khi cần.  - Dự kiến sản phẩm: HS lên bảng trả lời.  \*Báo cáo kết quả và thảo luận  - Học sinh lên bảng trình bày kết quả.  ***\****Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  *->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:* TKHT có thể tạo ra ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật. Vậy TKHT có ứng dụng gì trong đời sống hằng ngày chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học. | A’  B’  F  A  B  O  I  F’  Ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 2.1: Kính lúp là gì?** | |
| ***\****Chuyển giao nhiệm vụ học tập:  ***Giáo viên yêu cầu:***  - Yêu cầu HS đọc SGK-133 và trả lời câu hỏi:  ? Kính lúp là gì.  ? Nêu cơ sở nhận ra kính lúp là TKHT.  ? Trong thực tế em thấy dùng kính lúp trong trường hợp nào.  ? Số bội giác của kính lúp được kí hiệu như thế nào và liên hệ với tiêu cự bằng công thức nào.  ? Yêu cầu HS hoạt động nhóm dùng kính lúp có số bội giác khác nhau để quan sát cùng một vật nhỏ sau đó sắp xếp các kính lúp theo thứ tự cho ảnh từ nhỏ đến lớn khi quan sát cùng một vật và đối chiếu với số bội giác của các kính lúp đó.  ?Yêu cầu HS hoạt động cặp đôi thực hiện C1 và C2.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Đọc SGK -133 và trả lời câu hỏi của GV:  - Nêu kính lúp là gì.  - Nêu 2 cách nhận dạng.  - Nêu tác dụng của kính lúp và công thức số bội giác.  *- Giáo viên:*  + Phát dụng cụ cho các nhóm.  + Điều khiển lớp làm TN và thảo luận theo nhóm.  + Hướng dẫn các bước tiến hành TN. Giúp đỡ những nhóm yếu khi tiến hành TN.  Hết thời gian, yêu cầu các nhóm báo cáo TN.  - HS hoạt động cặp đôi thực hiện C1 và C2.  \*Báo cáo kết quả và thảo luận  - Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả hoạt động. Trả lời câu C1 và C2  \*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  Mục II. Quan sát 1 vật nhỏ qua kính yêu cầu học sinh tự học.  ***Người sử dụng kính lúp có thể quan sát được các sinh vật nhỏ,các vật nhỏ, các mẫu vật .***  ***Biện pháp GDBVMT:***  ***Sử dụng kính lúp để quan sát, phát hiện các tác nhân gây ô nhiễm môi trường*** | **I. Kính lúp là gì?**  **1.**  - Là TKHT có f ngắn.  -PP1: Bằng hình học thấy giữa dầy hơn rìa.  - PP2: Để vật ở gần thấy ảnh cùng chiều lớn hơn vật.  - Quan sát các vật nhỏ.  - Số bội giác kí hiệu là: G.  Công thức tính độ bội giác: G = .  Trong đó: G là độ bội giác.  f là tiêu cự của kính lúp  **2.** Đại diện nhóm nêu nhận xét: ảnh thu được càng lớn thì độ bội giác càng lớn  **C1:** Kính lúp có số bội giác càng lớn sẽ có tiêu cự càng ngắn.  **C2:** Số bội giác nhỏ nhất của kính lúp là 1,5x. Vậy tiêu cự dài nhất của kính lúp là:    **3. Kết luận : SGK-133**  -Kính lúp là TKHT.  -Kính lúp dùng để quan sát vật nhỏ.  -G cho biết ảnh thu được khi nhìn qua kính gấp bội lần so với khi không dùng kính lúp. |

**3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| \* Chuyển giao nhiệm vụ  GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm trả lời vào phiếu học tập cho các nhóm  ***\****Thực hiện nhiệm vụ  Thảo luận nhóm. Trả lời BT trắc nghiệm  - Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả hoạt động. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm trong phiếu học tập.  \* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá chung các nhóm. | **Câu 1**  **Câu 2**  **Câu 3**  **Câu 4**  **Câu 5**  **Câu 6**  **Câu 7**  **Câu 8** |

**4. Hoạt động vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu HS thực hiện C5.  - Yêu cầu hoạt động nhóm trả lời câu hỏi C6  Hoạt động cá nhân, hoàn thiện câu C5 và C6  Cá nhân HS trả lời câu C5 và đại diện nhóm trả lời C6  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá chung các nhóm. | **C5:** Những trường hợp trong thực tế đời sống sử dụnng kính lúp là:  - Đọc chữ viết nhỏ.  - Quan sát những vật nhỏ: các chi tiết đồng hồ, vi mạch điện tử, các bộ phận của con kiến, các vân lá cây….  - **C6:** HS thực hiện f của 1 kính lúp ,và cho biếtt G🡪 nghiệm lại G và f. (làm theo nhóm) |

**Phụ lục :**

**Câu 1.** Có thể dùng kính lúp để quan sát

**A.** Trận bóng đá trên sân vận động. **B.** Một con vi trùng.

**C.** Các chi tiết máy của đồng hồ đeo tay. **D.** Kích thước của nguyên tử.

**Câu 2.** Thấu kính nào dưới đây có thể dùng làm kính lúp?

**A.** Thấu kính phân kì có tiêu cự 10 cm. **B.** Thấu kính phân kì có tiêu cự 50cm.

**C.** Thấu kính hội tụ có tiêu cự 50cm. **D.** Thấu kính hội tụ có tiêu cự 10cm.

**Câu 3.** Số ghi trên vành của một kính lúp là 5x. Tiêu cự kính lúp có giá trị là

**A.** f = 5m. **B.** f = 5cm. **C.** f = 5mm. **D.** f= 5dm.

**Câu 4.** Số bội giác và tiêu cự ( đo bằng đơn vị xentimet ) của một kính lúp có hệ thức:

**A.** G = 25.. **B.** G = . **C.** G = 25 +. **D.** G = 25 – .

**Câu 5.** Trong các kính lúp sau, kính lúp nào khi dùng để quan sát một vật sẽ cho ảnh lớn nhất?

**A.** Kính lúp có số bội giác G = 5. **B.** Kính lúp có số bội giác G = 5,5.

**C.** Kính lúp có số bội giác G = 6. **D.** Kính lúp có số bội giác G = 4.

**Câu 6.** Nhận định nào ***không* *đúng****?*  Quan sát một vật nhỏ qua kính lúp, ta sẽ nhìn thấy

**A.** Ảnh cùng chiều với vật. **B.** Ảnh lớn hơn vật. **C.** Ảnh ảo. **D.** Ảnh thật lớn hơn vật.

**Câu 7.** Một kính lúp có tiêu cự f = 12,5cm, độ bội giác của kính lúp đó là:

**A.** G = 10. **B.** G = 2. **C.** G = 8. **D.** G = 4.

**Câu 8.** Dùng kính lúp có số bội giác 4x và kính lúp có số bội giác 5x để quan sát cùng một vật và với cùng điều kiện thì:

**A.** Kính lúp có số bội giác 4x thấy ảnh lớn hơn kính lúp có số bội giác 5x.

**B.** Kính lúp có số bội giác 4x thấy ảnh nhỏ hơn kính lúp có số bội giác 5x.

**C.** Kính lúp có số bội giác 4x thấy ảnh bằng kính lúp có số bội giác 5x.

**D.** Không so sánh được ảnh của hai kính lúp đó.